

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2012/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-HĐND ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, bao gồm:

a) Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phòng Tư pháp huyện, thị xã, thành phố.

c) Các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

2. Nội dung chi và mức chi (có phụ lục kèm theo).

3. Đối với các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này, thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Thời gian thực hiện: Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tổ chức triển khai đến các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện Nghị quyết này; đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đúng quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa VIII, kỳ họp thứ tư thông qua và bãi bỏ Nghị quyết số 67/2005/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Sơn

PHỤ LỤC

Một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND

ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

S T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra				
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	100.000	70.000
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	70.000	50.000
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/01 văn bản	600.000	450.000	300.000
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản. (Trường hợp nếu có chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra văn bản thì không thực hiện chế độ chi hỗ trợ kiểm tra văn bản theo Quy định này)	01 văn bản	100.000	70.000	-
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
a	Mức chi chung	01 văn bản	140.000	100.000	-

S T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300.000	200.000	-
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo				
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200.000	150.000	100.000
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực	01 báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500.000	1.250.000	1.000.000
6	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ	01 văn bản	100.000	70.000	50.000
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn.	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	50.000	35.000

S T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	(Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo)				